

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HS-ST

Ngày 05 - 02 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Nga

Bà Đỗ Thị Kim Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuý Dương – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 82/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS ngày 05/01/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 11/11/1969; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Cán bộ Ban Tuyên giáo Huyện ủy Đ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mạnh R (Đã chết) và con bà Trần Thị I; có vợ là Hồng Quỳnh A và có 03 con; chức vụ, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, ngày 24/9/2020 Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Đ đã có Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng đối với Nguyễn Mạnh T; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/9/2020 đến ngày 30/10/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, (Có mặt).

Bị hại:

- Ông Lưu Đức L, sinh năm 1963; địa chỉ: Đường Nguyễn Thị G, phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt);

- Ông Trần Thái S, sinh năm 1972; địa chỉ: Số X, đường Lê Đình C, khu đô thị H, phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước tháng 11 năm 2009, Nguyễn Mạnh T là Phó Trưởng phòng tuyên

truyền hỗ trợ người nộp thuế thuộc Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 19/11/2009, T được Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Phúc tiếp nhận và bố trí công tác tại Ủy ban nhân dân (viết tắt: UBND) huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 10/12/2009, T được UBND huyện Đ bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Tài chính huyện Đ. Ngày 19/3/2012, T được Huyện ủy Đ điều động và bổ nhiệm làm Phó Trưởng Ban tổ chức Huyện ủy Đ. Ngày 24/7/2014, T được Ban thường vụ Huyện ủy Đ luân chuyển và chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy và giữ chức vụ Phó bí thư Đảng ủy thị trấn Đ, huyện Đ nhiệm kỳ 2010 - 2015, sau đó Hội đồng nhân dân thị trấn Đ bầu T giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Đ. Ngày 03/3/2017, Ban thường vụ Huyện ủy Đ điều động, bổ nhiệm T giữ chức vụ Phó Trưởng Ban tuyên giáo Huyện ủy Đ.

Để chuẩn bị nhân sự bầu Ban chấp hành Đảng bộ huyện Đ nhiệm kỳ 2020-2025, trong danh sách nhân sự do cấp ủy nhiệm kỳ 2015- 2020 chuẩn bị thì Ban tuyên giáo huyện ủy Đ được bố trí 02 nhân sự gồm 01 người là Trưởng ban (bà Phạm Thị Lan G) và 01 người là Phó Trưởng ban (bà Phan Thị Kim A, đang là cấp ủy đương nhiệm) mà không có tên Nguyễn Mạnh T do T không được giới thiệu làm nhân sự vào danh sách bầu Ban chấp hành khóa mới ở 05 hội nghị gồm: Hội nghị Ban Thường vụ Huyện ủy Đ lần 1, Hội nghị cán bộ chủ chốt, Hội nghị Ban chấp hành Huyện ủy Đ lần 1, Hội nghị Ban Thường vụ Huyện ủy Đ lần 2 và Hội nghị Ban chấp hành Huyện ủy Đ lần 2. T cho rằng bản thân T luôn được phiếu tín nhiệm cao trong các lần bỏ phiếu tín nhiệm tại các hội nghị quy hoạch cán bộ Lãnh đạo của Huyện ủy Đ, nhưng sau đó không được cân nhắc xem xét, có tên trong danh sách bầu Ban chấp hành Đảng bộ huyện Đ khóa mới. T cho rằng ông Lưu Đức L – Bí thư huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện Đ đã không xem xét, cân nhắc T trong việc sử dụng, điều động, bổ nhiệm vào các vị trí từ năm 2009 đến trước khi diễn ra Đại hội Đảng bộ huyện Đ và ông L đã can thiệp để T không có tên trong danh sách bầu Ban chấp hành Đảng bộ huyện Đ khóa mới. Do suy nghĩ như vậy nên khoảng ngày 24 hoặc ngày 25/7/2020, T đã nảy sinh ý định viết đơn tố cáo nặc danh, tố cáo ông Lưu Đức L và ông Trần Thái S nguyên là Chủ nhiệm UBKT huyện ủy Đ, hiện là Ủy viên Ban thường vụ Huyện ủy Đ (T cho rằng ông S là người thân cận, phe cánh với ông L), gửi đi nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm vu khống, hạ uy tín ông L và ông S, đồng thời để các cấp lãnh đạo, các cơ quan có thẩm quyền xem xét, cân nhắc không để ông L, ông S công tác ở các chức vụ hiện tại và cũng không điều động, bổ nhiệm ông L, ông S ở các vị trí, chức vụ cao hơn trong chính quyền. Sau đó, T đã đến Bưu điện văn hóa thị trấn C, huyện X mua nhiều phong bì thư, tem bưu điện hết khoảng 300.000đ mang về nhà, rồi T tự nghĩ, suy diễn và bịa đặt ra các nội dung tố cáo nhằm vu khống cho ông Lưu Đức L, ông Trần Thái S. T tự mình sử dụng máy tính bàn đặt ở phòng ngủ của T tại nhà ở của gia đình T ở Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc để soạn thảo, đánh máy các nội dung tố cáo ông L, ông S vào 01 đơn tố cáo nặc danh, không đề tên mình mà đề tên người gửi là tập thể tổ chức, ban ngành, nhân dân, cử tri,... trên địa bàn huyện Đ. Sau đó T in đơn tố cáo nặc danh này bằng máy in nhãn hiệu Cannon Pixma E560 màu đen đặt tại phòng ngủ của T, do máy in này có cả chức

năng phô tô nên T phô tô đơn tố cáo nặc danh thành nhiều bản để gửi đi nhiều nơi cho nhiều cá nhân, tổ chức.

Để tránh bị phát hiện, nhằm che giấu thông tin người làm, người gửi đơn tố cáo nặc danh thì sau khi cho đơn tố cáo vào các phong bì thư, T đã đánh máy tên người, cơ quan tổ chức gửi và nhận để in ra, cắt thành các mảnh giấy nhỏ và dán lên mục người gửi, nơi nhận trên phong bì thư mà không viết tay. Sau đó T đã thực hiện gửi các đơn tố cáo nặc danh này đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân cụ thể như sau:

Khoảng gần 18 giờ ngày 28/7/2020, T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 88C – 057.74 của T đi từ nhà ra chợ P thuộc thị trấn P, huyện Đ để mua đồ phụ kiện điện nước, khi đi T chở theo cháu Lại Hải D (cháu ngoại của chị gái ruột T) và mang theo các đơn tố cáo gửi đến các địa chỉ: UBND huyện Đ, Đảng ủy, UBND xã H, UBND xã M, Đảng ủy thị trấn Đ, ... xã Q, ... xã B, ... xã Y, ... thị trấn P. Khi đến cổng Bưu điện huyện Đ, T dừng xe ngoài cổng và bảo cháu D mang túi nilon màu đỏ đựng các phong bì thư có các đơn tố cáo nêu trên vào Bưu điện huyện Đ gửi. Khi vào bưu điện, cháu D gặp chị Nguyễn Phương O là nhân viên Bưu điện huyện Đ. Cháu D đã gửi số phong bì thư này cho chị O rồi quay ra xe ô tô cùng T đi thẳng ra chợ Hợp Châu.

Khoảng gần 16 giờ 10 phút ngày 19/8/2020, Nguyễn Mạnh T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 88C – 057.74 của T đi một mình từ Huyện ủy Đ ra Quốc lộ 2B và đi đến Bưu điện văn hóa thị trấn K, huyện X, khi đi T mang theo 13 phong bì thư, bên trong có các đơn tố cáo nặc danh tố cáo ông Lưu Đức L và ông Trần Thái S gửi đến các địa chỉ: Ban Nội chính tỉnh ủy Vĩnh Phúc; ông Nguyễn Trung A – Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy Vĩnh Phúc; ông Lê Duy R – Phó bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phúc và một số lãnh đạo đảng và nhà nước, Cơ quan Trung ương. Khi đến cổng Bưu điện huyện Đ, T đỗ xe cách cổng Bưu điện văn hóa thị trấn K khoảng 20m rồi đi bộ mang theo 13 phong bì thư nêu trên đựng trong túi nilon vào Bưu điện và gặp chị Đỗ Thị Hồng I là nhân viên Bưu điện văn hóa thị trấn K. Chị I có hỏi T: “*Đã dán tem chưa?*” T trả lời: “*Dán hết tem rồi*” rồi đưa số phong bì thư này cho chị I. Chị I tiếp nhận 13 phong bì thư này và làm các thủ tục để gửi tới các địa chỉ trên phong bì thư còn T quay ra xe ô tô điều khiển đi về nhà.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 29/8/2020, Nguyễn Mạnh T tiếp tục điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 88C – 057.74 của T đi một mình từ nhà T ra phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên để giải quyết công việc riêng, đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, T một mình điều khiển ô tô đi từ thành phố V qua xã H, huyện X đến Bưu điện văn hóa thị trấn K, huyện X (lúc đó khoảng 17 giờ 46 phút). Khi đi T mang theo 03 phong bì thư có các đơn tố cáo nặc danh tố cáo ông L và ông S gửi Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Phúc và một số tờ báo trong và ngoài tỉnh Vĩnh Phúc. Khi đến cổng Bưu điện văn hóa thị trấn K, T đỗ xe cách cổng Bưu điện văn hóa thị trấn K khoảng 20m rồi đi bộ mang theo 03 phong bì kẹp trong 1 tờ giấy A4 vào Bưu điện và gặp chị Nguyễn Thị Phương O là nhân viên Bưu điện văn hóa thị trấn K, T đưa số phong bì thư này cho chị O tiếp nhận rồi T quay ra

xe ô tô điều khiển đi về nhà.

Các đơn tố cáo ở 03 lần gửi nêu trên Nguyễn Mạnh T đều một mình soạn thảo, đánh máy và chỉnh sửa lại nội dung trong đơn tố cáo rồi in ra, phô tô gửi nhiều cá nhân, tổ chức. Sau khi in đơn tố cáo và thông tin cá nhân, tổ chức nhận, gửi để cắt thành các mảnh giấy dán lên vỏ phong bì thì T đã copy (sao chép) đơn tố cáo và các thông tin này ra 01 USB loại 8GB rồi cất giấu USB này trên đỉnh cột sắt thứ 9 khu chuồng chăn nuôi phía sau nhà T. Đến khoảng đầu tháng 9/2020 do cây máy tính T sử dụng để soạn thảo, đánh máy các đơn tố cáo nặc danh bị hỏng nên T đã mang cây máy tính này ra gửi tại nhà ông Đỗ Văn U ở số nhà W, đường F, phường L, thành phố V để sửa.

Các nội dung trong các đơn tố cáo nặc danh mà Nguyễn Mạnh T tố cáo ông Lưu Đức L, ông Trần Thái S và kết quả điều tra:

Đối với các đơn T tố cáo ông Lưu Đức L có nội dung:

1. Tố cáo ông L được kết nạp Đảng muộn ở tuổi 34 (năm 1997), tức ông L là một đảng viên chậm tiến bộ, không phải người xuất sắc, tài giỏi hay ưu tú gì, nhằm hạ uy tín của ông L.

Kết quả điều tra xác định: Ông Lưu Đức L được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 29/9/1997, trở thành Đảng viên chính thức ngày 29/9/1998, khi đó ông L 34 tuổi.

2. Tố cáo ông L khi đang là một cán bộ Trung tâm y tế huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc, dù ông L đã có vợ con nhưng lại quan hệ tình cảm bất chính, cặp kè với một cô nhân viên kế toán trường học gần nơi ông L công tác (nay là vợ hiện tại của ông L). Sau đó, ông L đã ruồng rẫy vợ con để theo và cưới người phụ nữ này làm vợ bây giờ.

Kết quả điều tra xác định: Năm 1987, ông L tốt nghiệp Đại học y Hà Nội và được điều động về công tác tại Trung tâm y tế huyện X, lúc này ông L đang có vợ là bà Lâm Thị N1. Nhưng do không hợp nhau nên đến năm 1991 ông L và bà N1 ly hôn. Cho đến khoảng năm 1995, ông L gặp và quen biết với bà Nguyễn Thị Việt H1 (là vợ hiện tại của ông L), khi đó bà H1 làm Kế toán tại Trường PTTH X, sau đó 2 người nảy sinh tình cảm và đến ngày 25/10/1996 thì ông L và bà H1 kết hôn, chung sống với nhau cho đến nay. Vì vậy, hoàn T không có việc trong thời gian sinh sống vợ chồng với bà N1, ông L lại có tình cảm, cặp kè với bà H1 để rồi sau đó ruồng rẫy, bỏ bà N1 và các con để kết hôn với bà H1.

3. Tố cáo ông L trong thời gian sinh sống cùng với vợ cũ, ông L đã nhiều lần đánh đập dã man vợ cũ tại xã C, Đ, sau đó người vợ này đã gửi đơn kêu cứu tố cáo ông L.

Kết quả điều tra xác định: Bà Lâm Thị N1 và ông L kết hôn, chung sống với nhau từ khoảng tháng 9/1980, sau đó 2 người có với nhau 02 người con chung. Thời gian sống chung, ông L chủ yếu đi học tại Đại học y Hà Nội, sau khi tốt nghiệp ra trường ông L về làm tại Trung tâm y tế huyện X nên rất ít khi về nhà. Vì vậy giữa bà N1 và ông L lúc này bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau và thấy

không hợp nhau nên đã ly hôn vào năm 1991, sau đó bà N1 là người nuôi dưỡng các con. Quá trình chung sống, giữa bà N1 và ông L có duy nhất 01 lần xảy ra mâu thuẫn mà ông L đã ru đẩy làm bà N1 bị thương nhẹ phần mềm ở cánh tay trái nhưng không có việc bà N1 phải nằm viện chữa trị, điều trị hay kiện cáo gì ông L về việc này. Ngoài ra, ông L không đánh bà Năm bất kỳ lần nào khác mà 02 người chỉ thỉnh thoảng cãi nhau về những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình thường ngày. Sau khi ly hôn một thời gian thì ông L có quan hệ tình cảm và kết hôn với bà Nguyễn Thị Việt H1 rồi chuyển ra thành phố V sinh sống, từ đó đến nay 02 người không gặp gỡ và có bất kỳ quan hệ nào với nhau. Bà N1 cũng khẳng định chưa bao giờ viết đơn kêu cứu, đơn tố cáo ông L.

4. Tố cáo ông L trước khi thành lập huyện Đ (năm 2004) thì ông L đã tiếp cận, chạy chọt với Bí thư huyện M1 cũ để về làm Phó Chủ tịch huyện Đ từ năm 2004.

Kết quả điều tra xác định: Năm 1987, ông L tốt nghiệp Đại học y Hà Nội và được điều động về công tác tại Trung tâm Y tế huyện X, sau đó được bổ nhiệm là Giám đốc Trung tâm Y tế huyện X. Đến ngày 08/6/2004 ông L được UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê chuẩn làm Phó Chủ tịch UBND huyện Đ nhiệm kỳ 2004 - 2009.

Ông Phạm Cao T2 là Bí thư huyện ủy M1 từ tháng 9/1998 cho đến tháng 10/2003 và ông Kiều Đức L1 là Bí thư huyện ủy M1 từ tháng 11/2003 đến tháng 07/2010. Bản thân ông L, ông Thế và ông Lân không có quan hệ gì với nhau và cũng không có mâu thuẫn, thù tức hay nợ nần gì về vật chất, tình cảm, cũng hoàn toàn không có việc ông L phải đi gặp gỡ, chạy chọt ông T2 hoặc ông L1 hay bất kỳ ai để được về làm Phó Chủ tịch UBND huyện Đ ở thời điểm thành lập huyện Đ năm 2004.

5. Tố cáo ông L trong quá trình công tác, ông L không tu dưỡng đạo đức, chuyên môn mà mỗi lần được đề bạt bổ nhiệm ở chức vụ cao hơn thì lại tỏ ra quan cách, hống hách, “vun vén tư lợi”, xây dựng bè phái, người kế cận để thâm tóm quyền lợi kinh tế, vật chất, áp đặt ý kiến chủ quan của bản thân vào mọi công việc.

Kết quả điều tra xác định: Về nội dung tố cáo này của Nguyễn Mạnh T hoàn toàn không có căn cứ, tài liệu chứng cứ nào mà chỉ là do T tự nghĩ ra, suy diễn, bịa đặt để tố cáo ông L nhằm hạ uy tín của ông L.

6. Tố cáo ông L khi còn là Phó Chủ tịch UBND huyện Đ phụ trách khối Y tế, Giáo dục (từ năm 2004 đến năm 2015) thì ông L đã nhận hối lộ 12% giá trị các công trình, dự án liên quan đến Y tế, Giáo dục trên địa bàn huyện Đ từ các nhà thầu thi công, xây lắp rồi mới phê duyệt các dự án, công trình đó.

Kết quả điều tra xác định: Từ năm 2004 đến hết năm 2015, ông Lưu Đức L là Phó Chủ tịch UBND huyện Đ phụ trách mảng văn hóa, xã hội trong đó có phòng Y tế, phòng Giáo dục; trong thời điểm này ông L không ký, không phê duyệt công trình, dự án nào liên quan đến Y tế trên địa bàn huyện, nhưng ông L đã ký, phê duyệt 18 dự án, công trình liên quan đến giáo dục trên địa bàn huyện Đ, cụ thể:

- 04 công trình giao Ban Quản lý dự án xây dựng và giải phóng mặt bằng huyện Đ là chủ đầu tư, cụ thể:

+ Công trình khởi hành chính quản trị, Phòng giáo dục Nghệ thuật - Thể chất Trường Mầm non E1, xã Q1, huyện Đ với tổng giá trị đầu tư là: 3.424.770.000đ;

+ Công trình khởi hành chính quản trị Trường Mầm non Đồng Xuân trên địa bàn xã Q1, huyện Đ với tổng giá trị đầu tư là: 2.829.625.000đ;

02 công trình trên đều do Công ty Cổ phần Đầu tư P1 có trụ sở tại phường L, thành phố V làm nhà thầu thi công, xây lắp bằng hình thức đấu thầu.

+ Công trình nhà lớp học bộ môn 2 tầng, 6 phòng trường THCS R1, xã R1, huyện Đ với tổng giá trị đầu tư là: 6.390.295.000đ do Công ty Cổ phần xây dựng và đầu tư phát triển nhà Vĩnh Phúc có trụ sở tại phường L, thành phố V là nhà thầu thi công, xây lắp bằng hình thức đấu thầu.

+ Công trình Trường Tiểu học I1 (giai đoạn II), xã R1, huyện Đ với tổng giá trị đầu tư là: 7.013.110.000đ do Công ty TNHH Tân Phát Vượng có trụ sở tại xã B, huyện Đ làm nhà thầu thi công, xây lắp bằng hình thức đấu thầu.

- 02 công trình giao cho Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Đ, cụ thể:

+ Công trình xử lý chất thải cho Trường Tiểu học Đ1, xã Đ1, Đ với tổng giá trị đầu tư là: 252.866.000đ do Công ty TNHH Đầu tư và xây dựng Đ ở thôn C2, thị trấn P, Đ làm nhà thầu thi công xây lắp. Hình thức: Chỉ định thầu.

+ Công trình xử lý rác thải cho Trường Tiểu học Q1, xã Q1, Đ với tổng giá trị đầu tư là: 149.889.000đ do Công ty TNHH tư vấn và xây dựng A2 ở xã P2, huyện M1 làm nhà thầu thi công, xây lắp với hình thức: Chỉ định thầu.

- 01 công trình giao UBND thị trấn P làm chủ đầu tư là: Công trình xử lý rác thải cho Trường Mầm non Y2, thị trấn P, huyện Đ với tổng giá trị đầu tư: 7.996.957.000đ do Công ty TNHH Thương mại vật tư A3 có trụ sở tại thị trấn P, huyện Đ làm nhà thầu thi công xây lắp với hình thức: Đấu thầu.

- 01 công trình giao UBND thị trấn R1 làm chủ đầu tư: Công trình xử lý nhà, lớp học Trường Mầm non khu vực thôn S1 và thôn L3, thị trấn R1, huyện Đ với tổng giá trị đầu tư là: 2.778.365.000đ do Công ty TNHH E1 có trụ sở tại thị trấn R1, huyện Đ làm nhà thầu thi công xây lắp bằng hình thức: Chỉ định thầu.

- 02 công trình giao UBND thị trấn Đ làm chủ đầu tư:

+ Công trình sửa chữa, cải tạo, xây dựng phòng học bộ môn trường THCS thị trấn Đ, huyện Đ với tổng giá trị đầu tư là: 1.440.538.000đ do Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng O1 có trụ sở tại phường L, thành phố V làm nhà thầu thi công, xây lắp bằng hình thức: Chỉ định thầu.

+ Công trình cổng, hàng rào trường THCS thị trấn Đ, huyện Đ với tổng giá trị đầu tư là: 294.023.000đ do Công ty TNHH S2 có trụ sở tại khu Z1, phường Đ1, thành phố V làm nhà thầu thi công xây lắp bằng hình thức: Chỉ định thầu.

- 01 công trình giao UBND xã M2 làm chủ đầu tư: Công trình nhà lớp học

mầm non thôn X1, xã M1, huyện Đ với tổng giá trị đầu tư là 760.971.180đ do Công ty Cổ phần đầu tư phát triển CEC có trụ ở tại xã Đ2, huyện C3, tỉnh Hải Dương làm nhà thầu thi công xây lắp bằng hình thức: Chỉ định thầu.

- 04 công trình giao UBND xã Đ2 làm chủ đầu tư:

+ Công trình San nền mở rộng khuôn viên, xây dựng tường rào, hệ thống thoát nước cho Trường THCS Đ2 và thôn Đ3, xã Đ2, huyện Đ với tổng giá trị đầu tư là: 1.316.658.000đ do Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc làm nhà thầu thi công xây lắp bằng hình thức: Chỉ định thầu.

+ Công trình Cải tạo, nâng cấp Trường Mầm non thôn Đ3 hạng mục: Nhà để xe, cổng trường, giếng nước, hệ thống điện và khu vệ sinh với tổng giá trị đầu tư là: 330.109.000đ do Công ty Cổ phần Tư vấn & Đầu tư xây dựng V2 có trụ sở tại xã B, huyện Đ làm nhà thầu thi công xây lắp bằng hình thức: Chỉ định thầu.

+ Công trình Cải tạo, nâng cấp Trường Mầm non thôn Đ4, xã Đ3 hạng mục: Nhà để xe với tổng giá trị đầu tư là: 180.464.000đ do Công ty Cổ phần Tư vấn & Đầu tư xây dựng V2 làm nhà thầu thi công xây lắp bằng hình thức: Chỉ định thầu.

+ Công trình Trường Tiểu học xã Đ3 hạng mục Nhà lớp học đa năng với tổng giá trị đầu tư là: 4.352.972.206đ do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển CEC làm nhà thầu thi công xây lắp bằng hình thức: Chỉ định thầu.

- 01 công trình giao UBND xã M làm chủ đầu tư: Công trình Trường Mầm non M, xã M, huyện Đ với tổng giá trị đầu tư là 4.880.910.000đ do Công ty TNHH L3 có địa chỉ tại tổ dân phố R1, thị trấn P2, huyện M làm nhà thầu thi công xây lắp bằng hình thức: Chỉ định thầu.

- 01 công trình giao Trường THCS R3 làm chủ đầu tư công trình Nhà để xe trường THCS R3, xã R, huyện Đ với tổng đầu tư 239.692.000đ do Công ty TNHH thương mại và xây dựng X3 có trụ sở tại phường K2, thành phố V làm nhà thầu thi công, xây lắp bằng hình thức: Chỉ định thầu.

- 01 công trình giao UBND xã R làm chủ đầu tư công trình Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng + Nhà lớp học bộ môn + San nền, kê đá với tổng đầu tư 10.058.153.000đ do Công ty TNHH Thương mại và xây dựng B3 có trụ sở tại xã R1, huyện Đ làm nhà thầu thi công xây lắp bằng hình thức: Đấu thầu.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã làm việc, ghi lời khai của các ông:

- Nguyễn Văn Đ4 - Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư P2;
- Nguyễn Xuân S3 - Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư phát triển nhà Vĩnh Phúc;
- Trần Phú V3- Giám đốc Công ty TNHH V4;
- Hoàng Thái D2 - Giám đốc Công ty TNHH H3;
- Lã Anh T3 - Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng V2;
- Tống Ngọc S4 - Giám đốc Công ty TNHH TM và xây dựng B4;

- Lê Văn T5 - Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển C3;
- Nguyễn Văn D4 - Giám đốc Công ty TNHH H3;
- Trần Văn S5 - Giám đốc Công ty TNHH TM vật tư A4;
- Hoàng Trọng T6 - Giám đốc Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Đ;
- Vũ Quang S6 - Giám đốc Công ty TNHH H3;
- Nguyễn Hồng T7 - Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng A4
- Nguyễn Trọng V8 - Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn và xây dựng T3; -
- Bà Luyện Thị Hải H5 - Giám đốc Công ty TNHH TM và XD T4.

Tại Cơ quan điều tra, các Giám đốc của các Công ty là nhà thầu thi công, xây lắp của các công trình nêu trên đều trình bày: Hoàn T không có việc phải đến gặp gỡ, đưa quà, đưa tiền hoặc vật chất gì tương đương 12% giá trị các công trình, dự án cho ông L để được phê duyệt các dự án, công trình đó, mà do các Công ty có đủ năng lực, điều kiện về hồ sơ pháp lý nên đã nộp hồ sơ tham gia đấu thầu, chỉ định thầu, sau đó đã được trúng thầu, chỉ định thầu là nhà thầu thi công, xây lắp của các công trình một cách khách quan, đúng trình tự, thủ tục quy định.

Vì vậy có căn cứ xác định nội dung tố cáo này của T là không đúng sự thật, vu khống cho ông Lưu Đức L và những người liên quan.

7. Tố cáo việc ông L nhận hối lộ (tiền, hiện vật) của các Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường học trên địa bàn huyện Đ để không luân chuyển công tác những người này.

Kết quả điều tra xác định: Từ tháng 01/2004 đến tháng 6/2015, ông L là Phó Chủ tịch UBND huyện Đ phụ trách mảng văn hóa xã hội trong đó có phụ trách Phòng y tế và Phòng giáo dục. Chức năng, nhiệm vụ của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đ là giúp UBND huyện quản lý nhà nước đối với các cơ sở giáo dục gồm các trường: Trường trung học cơ sở; Trường tiểu học; Trường Mầm non của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì nhiệm kỳ của Hiệu trưởng một trường học là 05 năm, sau 05 năm Hiệu trưởng được đánh giá và có thể được bổ nhiệm lại hoặc công nhận lại. Còn Phó hiệu trưởng thì không có quy định về nhiệm kỳ và không phải bổ nhiệm lại, cũng không nằm trong diện phải luân chuyển. Riêng đối với các Trường Mầm non thì từ trước tháng 10/2010 là Trường bán công nên không trong diện xem xét luân chuyển Hiệu trưởng; từ tháng 10/2010 trở về đây thì tất cả các Trường Mầm non đều chuyển thành trường công lập nên mới xem xét việc luân chuyển Hiệu trưởng theo quy định của Bộ Giáo dục.

Kết quả rà soát trên địa bàn huyện Đ từ năm 2004 đến 2015 có 10 trường hợp giữ chức danh Hiệu trưởng các trường học từ 02 nhiệm kỳ trở lên (10 năm trở lên tại 01 trường), gồm:

- Triệu Đức K9 nguyên là Hiệu trưởng Trường THCS R;
- Nguyễn Mạnh H9 - Hiệu trưởng Trường Tiểu học T9, nguyên là Hiệu

trường Trường Tiểu học R1;

- Trần Thị H8 - Hiệu trưởng Trường Tiểu học H, nguyên là Hiệu trưởng trường Tiểu học C;

- Vũ Thị H7 - Hiệu trưởng Trường Mầm non Y;

- Trần Thị L - Hiệu trưởng Trường Mầm non R1, nguyên là Hiệu trưởng Trường Mầm non B;

- Trần Thị T8 nguyên là Hiệu trưởng Trường Mầm non R;

- Trần Thị Thanh H10 - Hiệu trưởng Trường Mầm non B, nguyên là Hiệu trưởng Trường Mầm non R1;

- Đinh Tú A9 nguyên là Hiệu trưởng Trường Mầm non P;

- Vũ Thị T10 nguyên là Hiệu trưởng Trường Mầm non Y;

- Nguyễn Thị P9 nguyên là Hiệu trưởng Trường Mầm non H.

Tại Cơ quan điều tra 10 người nêu trên đều trình bày: Hoàn T không có việc phải đến gặp gỡ, đưa quà, đưa tiền hoặc vật chất gì cho ông L để được bổ nhiệm lại và không bị luân chuyển công tác mà do có đủ năng lực, điều kiện, bằng cấp nên đã được bổ nhiệm lại một cách khách quan.

Vì vậy có căn cứ xác định nội dung tố cáo này của T là không đúng sự thật, vu khống cho ông Lưu Đức L và những người liên quan.

8. Tố cáo ông L “đẩy” được ông Phạm Quang N9, nguyên Bí thư huyện ủy Đ ra làm Phó Giám đốc Sở khoa học - Công nghệ để lên làm Bí thư huyện ủy Đ (năm 2018).

Kết quả điều tra xác định: Từ tháng 9/2015 đến ngày 11/5/2018, ông Phạm Quang N9 giữ chức vụ Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện Đ. Do nhu cầu công tác nên ngày 7/5/2018, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Phúc đã có Quyết định điều động và phân công công tác cán bộ, sau đó ngày 9/5/2018, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã có Quyết định về việc tiếp nhận và bổ nhiệm có thời hạn ông Phạm Quang N9 làm Phó Giám đốc phụ trách Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Phúc, rồi được bầu làm Giám đốc Sở từ 25/01/2019. Sau khi ông N9 được điều động, bổ nhiệm làm Phó Giám đốc phụ trách Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh thì ngày 30/5/2018, tại Hội nghị của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Đ, ông Lưu Đức L (khi đó là Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện Đ) đã được Hội nghị bầu làm Bí thư Huyện ủy Đ.

Như vậy có căn cứ xác định việc ông N9 từ Bí thư Huyện ủy Đ ra công tác tại Sở Khoa học và Công nghệ là do yêu cầu công tác và theo sự phân công, điều động, bổ nhiệm của Ban thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh Vĩnh Phúc chứ không có việc ông N9 bị ông L “đẩy” ra làm Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ như nội dung T tố cáo.

9. Tố cáo ông L sau khi lên làm Bí thư Huyện ủy (năm 2018) thì trong công tác cán bộ ông L đã áp đặt, khống chế việc: Ai muốn được bổ nhiệm, trúng cử thì phải đến gặp gỡ, đưa quà, đưa tiền hoặc vật chất cho ông L, ai không đến nhà ông

L gặp gỡ thì sẽ trượt bình thường. Điển hình như ông T9 - Bí thư xã Y (trước đây là xã nghèo 135) không có tiền chạy cho ông L nên đã bị trượt chức Bí thư ở Đại hội Đảng bộ xã Y diễn ra khoảng tháng 5 hoặc tháng 6/2020.

Kết quả điều tra xác định:

- Hoàn T không có việc để được bổ nhiệm, trúng cử thì phải đến gặp gỡ, đưa quà (tiền hoặc vật chất) cho ông L như nội dung T tố cáo.

- Tại Đại hội Đảng bộ xã Y nhiệm kỳ năm 2020 - 2025 diễn ra vào ngày 12/6/2020 thì trong danh sách bầu Ban chấp hành Đảng bộ xã khóa mới ông Nguyễn Văn T9 (khi đó là Bí thư Đảng ủy xã Y) chỉ được 78/120 phiếu, đạt 65% và xếp thứ tự cuối ở số 16 nên đã không trúng cử trong danh sách 14 người trong Ban chấp hành Đảng bộ xã Y nhiệm kỳ 2020 - 2025. Vì vậy, ông T9 không được tham gia ứng cử, đề cử để Ban Chấp hành Đảng bộ xã Y bầu làm Bí thư Đảng ủy xã ở nhiệm kỳ tiếp theo. Vì vậy, việc ông T9 không tái cử chức danh Bí thư Đảng ủy xã Y nhiệm kỳ 2020 – 2025 là do ông T9 không trúng vào Ban Chấp hành nhiệm kỳ khóa mới khi bầu tại Đại hội chứ không phải là do ông T9 không gặp gỡ, không có tiền đưa cho ông L nên bị trượt chức Bí thư Đảng ủy xã như T tố cáo.

T tố cáo ông L sau khi lên làm Bí thư Huyện ủy (năm 2018) thì trong công tác cán bộ ông L đã áp đặt, khống chế việc: Ai muốn làm Bí thư kiêm Chủ tịch xã/thị trấn của huyện Đ thì phải đến gặp đưa quà cho ông L không dưới 500 triệu đồng.

Kết quả điều tra xác định: Hiện tại trên địa bàn huyện Đ chỉ thực hiện thí điểm mô hình Bí thư kiêm Chủ tịch xã/thị trấn tại thị trấn Đ (ông Phan Anh Tuấn - Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch UBND thị trấn) và xã Tam Quan (ông Phùng Quang Đ5 - Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch UBND xã); 02 xã không nằm trong mô hình thí điểm Bí thư kiêm Chủ tịch UBND nhưng Bí thư Đảng ủy xã hiện vẫn đang đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch UBND xã vì sau Đại hội Đảng bộ xã vẫn chưa kiện T được nhân sự giữ chức danh Chủ tịch UBND là xã Đ (Ông Lưu Xuân N3 - Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch UBND xã) và Y (ông Bàng Văn T12 - Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch UBND xã). Ngoài các trường hợp nêu trên thì còn có ông Trần Thái S là Bí thư kiêm Chủ tịch UBND xã Đại Đình từ năm 2017 đến năm 2019 (hiện đang là Ủy viên Ban thường vụ Huyện ủy Đ); ông Nguyễn Châu P7 là Bí thư kiêm Chủ tịch UBND xã H từ năm 2015 đến năm 2016 (hiện là Chủ tịch Hội nông dân huyện Đ); ông Ngô Hữu M9 là Bí thư kiêm Chủ tịch UBND thị trấn Đ trong thời gian từ tháng 3/2017 đến tháng 6/2018. Cơ quan điều tra đã làm việc và lấy lời khai các ông Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch UBND xã, thị trấn nêu trên, kết quả các ông này đều khai rằng không có việc đưa tiền, đưa quà cho ông L để được giữ các cương vị Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch UBND xã, thị trấn như tố cáo của T.

Như vậy, việc ông T9, ông Đ5 giữ chức Bí thư kiêm Chủ tịch UBND xã, thị trấn hay ông T4, ông N2 là Bí thư Đảng ủy và đang đảm nhiệm chức danh Chủ tịch UBND xã; ông S, ông P7 và ông M4 từng là Bí thư kiêm chủ tịch UBND xã,

thị trấn là do được bầu và trúng cử chức Bí thư Đảng ủy tại Đại hội Đảng bộ xã, thị trấn, sau đó được HĐND xã/thị trấn họp bầu kiêm giữ chức vụ Chủ tịch UBND theo mô hình thí điểm của huyện hoặc là do chưa kiện T được nhân sự chức danh Chủ tịch UBND sau Đại hội Đảng bộ xã chứ hoàn T không có việc họ phải đến gặp đưa quà cho ông L không dưới 500 triệu đồng để được làm Bí thư kiêm Chủ tịch xã/thị trấn như nội dung T tố cáo. 10. Tố cáo 03 Trưởng phòng của UBND huyện Đ là Trưởng phòng Văn hóa, Trưởng phòng Kinh tế hạ tầng và Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường đều không bị luân chuyển, giữ yên chức vụ Trưởng phòng là do các ông Trưởng phòng này đã gặp gỡ, đưa quà cáp (tiền, hiện vật) cho ông L để không bị luân chuyển.

Kết quả điều tra xác định:

- Ông Nguyễn Trung T8 được bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường huyện Đ từ ngày 03/7/2009 theo Quyết định số 1338/QĐ-CT của Chủ tịch UBND huyện Đ và được bổ nhiệm lại giữ chức vụ này 02 lần theo Quyết định số 444/QĐ-CT ngày 18/9/2014 và Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện Đ. Hiện ông T8 vẫn đang là Trưởng phòng Tài nguyên môi trường huyện Đ;

- Ông Phùng Quang T9 được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng phòng Giao thông Công nghiệp Xây dựng huyện Đ từ ngày 09/3/2004 theo Quyết định số 140/QĐ-CT của Chủ tịch UBND huyện Đ; đến ngày 31/3/2005, do Phòng được đổi tên thành Phòng Hạ tầng Kinh tế thì ông T9 được bổ nhiệm lại, chức vụ Trưởng phòng Hạ tầng Kinh tế huyện Đ theo Quyết định số 86/QĐ-CT ngày 31/3/2005 của UBND huyện Đ. Đến ngày 29/4/2008, Phòng Hạ tầng Kinh tế đổi tên thành Phòng Công thương nên ông T9 được bổ nhiệm lại giữ chức vụ Trưởng phòng Công thương huyện Đ theo Quyết định số 400/QĐ-CT; ông Trưởng được bổ nhiệm lại giữ chức vụ này theo Quyết định số 275/QĐ-CT ngày 28/6/2013. Từ tháng 12/2016 đến nay, ông Trưởng được điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Đ theo Quyết định số 972/QĐ-CT ngày 16/12/2016.

- Ông Đỗ Quốc T10 được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin huyện Đ theo Quyết định số 1952/QĐ-CT ngày 09/11/2009 của Chủ tịch UBND huyện Đ và được bổ nhiệm lại giữ chức vụ này 02 lần theo Quyết định số 566/QĐ-CT ngày 03/11/2014 và Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện Đ. Hiện ông T10 vẫn đang là Trưởng phòng Văn hóa huyện Đ.

Việc bổ nhiệm và bổ nhiệm lại ông T9, ông T10 và ông T11 như đã nêu trên là do Ban thường vụ Huyện ủy Đ căn cứ vào chuyên môn, lĩnh vực công tác, năng lực, bằng cấp, điều kiện và độ tín nhiệm của họ sau đó họp, quyết định và ra Nghị quyết sau đó UBND huyện Đ ra Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chứ cá nhân ông L không có quyền quyết định hay can thiệp, tác động gì vào việc này, cũng hoàn T không có việc phải gặp, đưa quà (tiền, hiện vật) cho ông L để được ở yên vị các vị trí Trưởng phòng mà không bị luân chuyển như nội dung T tố cáo.

11. T tố cáo: Có những trường hợp ông L đã nhận tiền, hứa hẹn cất nhắc bố trí vào một vị trí công tác tốt hơn. Nhưng sau đó lại có người khác đưa cho ông L nhiều tiền hơn để vào làm ở vị trí đó, nên ông L đã “quên”, không cất nhắc người trước.

Đây là nội dung T tự suy diễn, bịa đặt ra để tố cáo ông L chứ không hề có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh. Mặt khác, quá trình điều tra không phát hiện được trường hợp nào đưa quà (tiền, vật chất khác) cho ông L để được cất nhắc bố trí vào một vị trí công tác tốt hơn, nhưng sau đó lại có người khác đưa cho ông L nhiều tiền hơn để vào làm ở vị trí đó nên ông L đã “quên”, không cất nhắc người trước.

12. T tố cáo ông L khai man hồ sơ cán bộ, cụ thể: Học bạ của ông L là học bạ của người khác, họ tên người khác được viết bằng mực tím đã bị tẩy xóa thành tên ông L khá tinh vi, mục đích để học bạ đó đủ điểm để ông L được hưởng chế độ xét tuyển đi học Đại học Y Hà Nội theo chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số; bằng và học bạ cấp 3 của ông L là giả, bằng hiện tại đã bị rút ra khỏi hồ sơ cán bộ của ông L.

Kết quả điều tra xác định: Bản thân ông L trực tiếp tham gia học cấp 3 tại Trường THPT M từ năm 1978 đến năm 1981 với học lực 3 năm là học lực khá; đến các ngày 05/6/1981 và 6/6/1981, ông L trực tiếp tham gia thi tốt nghiệp cấp 3 và đạt số điểm các môn như sau: Môn Văn: 7; Hóa: 8; Toán: 9; Lịch Sử: 7, tổng 31 điểm và xếp loại tốt nghiệp là loại Khá, sau đó ông L được Ty Giáo dục Vĩnh Phú (cũ) cấp Bằng tốt nghiệp Phổ thông Trung học số 2824 ngày 01/9/1981. Sau khi tốt nghiệp cấp 3, ông L đã sử dụng bằng và học bạ cấp 3 của mình trực tiếp tham gia dự thi vào trường Đại học y Hà Nội và có kết quả thi Đại học các môn như sau: Môn 1: 4,5 điểm, Môn 2: 6 điểm, Môn 3: 4,5 điểm, tổng điểm là 15 điểm, đã đỗ và vào học tại trường Đại học y Hà Nội. Cho đến năm 1987, ông L tốt nghiệp Đại học y Hà Nội và được trường Đại học y Hà Nội cấp Bằng tốt nghiệp số A36350 ngày 8/3/1990. Sau khi tốt nghiệp thì hồ sơ của ông L, trong đó có Bằng tốt nghiệp cấp 3, học bạ cấp 3 (bản gốc) và Bằng tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội được ông Nguyễn Sơn (nguyên là Giám đốc Sở y tế tỉnh Vĩnh Phúc, hiện đã nghỉ hưu) đại diện cho đoàn sinh viên ở Vĩnh Phúc nhận các hồ sơ sinh viên từ trường Đại học Y Hà Nội mang về Sở y tế tỉnh Vĩnh Phú (nay là Sở y tế tỉnh Vĩnh Phúc) nộp và khi đó ông L được phân công công tác tại Trung tâm y tế huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc nên hồ sơ của ông L cũng được chuyển theo đến nơi công tác. Đến khi ông L được điều động, bổ nhiệm làm Phó Chủ tịch UBND huyện Đ thì ông L cũng mang theo hồ sơ đi rồi lấy, cất giữ học bạ, Bằng tốt nghiệp Phổ thông Trung học, Bằng tốt nghiệp Đại học gốc và nộp hồ sơ còn lại cho Huyện ủy Đ quản lý, đến nay là do Ban tổ chức Tỉnh ủy Vĩnh Phúc quản lý. Vì vậy bằng và học bạ cấp 3 của ông L hiện do ông L cất giữ và tự quản lý.

Căn cứ các Kết luận giám định đối với Học bạ và Bằng tốt nghiệp cấp 3 gốc của ông L, đồng thời tiến hành phô tô, sao kết quả học tập 03 năm cấp 3 của ông L tại Trường THPT Tam Dương để so sánh với học bạ gốc đã tạm giữ của

ông L thấy có việc chỉnh sửa, điền thêm trên học bạ gốc của ông L nhưng không phải là chỉnh sửa phần tên ông L và cũng không phải là việc chỉnh sửa, tẩy xóa, điền thêm không đúng hoặc có lợi cho ông L, cũng hoàn T không có việc ông L sử dụng học bạ của người khác, tẩy xóa thành tên ông L như nội dung T tố cáo.

13. T tố cáo ông L, trong thời gian là Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng công trình khu trung tâm văn hóa lễ hội Tây Thiên từ năm 2008 cho đến khi ông L thôi giữ chức vụ Trưởng ban này thì ông L đã lợi dụng kẽ hở của pháp luật để chỉ đạo bà Trần Thị Ngân, cán bộ kế toán của Hội đồng giải phóng mặt bằng lập khống chứng từ, rút tiền ngân sách chia cho các thành viên trong Hội đồng giải phóng mặt bằng, đồng thời ông L chỉ đạo cán bộ kế toán của Ban mang tiền đền bù (nhưng chưa thanh toán cho các hộ được đền bù) gửi vào các tổ chức Ngân hàng, cá nhân vay để lấy lãi chia nhau. Việc làm này đã bị cán bộ Ban bồi thường và nhân dân xã R1 tố cáo.

Kết quả điều tra xác định:

- Từ ngày 12/8/2011 đến ngày 08/01/2013, ông Lưu Đức L là Phó Chủ tịch UBND huyện Đ kiêm nhiệm là Chủ tịch hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Công trình khu trung tâm văn hóa lễ hội Tây Thiên. Trong thời gian này, ông L - Chủ tịch hội đồng bồi thường đã ký chủ tài khoản để bà Trần Thị Ngân là Phó Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch huyện Đ, kiêm nhiệm là Phó Chủ tịch, kế toán Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng khi đó thực hiện việc tạm ứng tổng cộng 03 lần tiền tại Kho bạc nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc để thực hiện chi trả tiền bồi thường cho dân, chi phí hội đồng bồi thường, chi phí thẩm định phương án bồi thường theo các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư với tổng số tiền là 21.715.000.000đ (bà Ngân đã chết ngày 19/8/2020 do bệnh lý), trong đó: Chị Lê Thị Thanh V4 khi đó là thành viên tổ giúp việc cho Hội đồng bồi thường trực tiếp lĩnh, nhận tiền 02 lần với tổng số tiền là 13.140.000.000đ; anh Nguyễn Ngọc Q2 khi đó là Tổ trưởng tổ giúp việc cho Hội đồng bồi thường trực tiếp lĩnh, nhận tiền 01 lần với tổng số tiền là 8.575.000.000đ. Sau khi lĩnh số tiền này từ Kho bạc về thì Hội đồng bồi thường đã thực hiện việc chi trả ngay cho các hộ dân trong diện được bồi thường, trong trường hợp người dân chưa đến nhận ngay thì sẽ được nhập lại quỹ và được cất giữ tại két sắt của Hội đồng bồi thường đặt tại Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Đ. Ngoài ra sau mỗi đợt chi trả nếu số tiền tạm ứng lĩnh từ kho bạc về chưa được chi trả hết thì cũng nhập lại quỹ và cất giữ trong két sắt của Hội đồng để sử dụng chi trả vào các đợt sau chứ hoàn T không có việc ông L chỉ đạo kế toán, nhân viên của Hội đồng bồi thường mang tiền chờ bồi thường cho dân đi gửi ngân hàng hay gửi cho các cá nhân vay lấy lãi như T tố cáo.

- Đối với Dự án xây dựng khu Trung tâm văn hóa lễ hội Tây Thiên thì ngày 21/7/2018, Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh Vĩnh Phúc tiếp nhận tin báo nặc danh có nội dung tố cáo bà Trần Thị N7 - Phó Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch huyện Đ được sự tiếp tay của Lãnh đạo UBND huyện Đ có hành vi lập khống chứng từ để thanh toán chi tiêu sai quy định cho các thành viên Hội đồng

bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Công trình khu trung tâm văn hóa lễ hội Tây Thiên giai đoạn 1 (trùng với nội dung mà T đã tố cáo như đã nêu trên). Quá trình kiểm tra, xác minh đến ngày 24/9/2018, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Kết luận xác minh số 07 và ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 06, trong kết luận: UBND huyện Đ (Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án nêu trên giai đoạn 01) đã thực hiện chi đúng với các khoản tiền được ghi trên các chứng từ thanh toán. Do đó, có căn cứ xác định nội dung tố cáo của T là không có cơ sở. Mặt khác, cho đến khi Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh Vĩnh Phúc có kết luận việc xác minh, giải quyết tin báo, tố giác tội phạm này thì công tác bồi thường và GMMP của dự án (giai đoạn 1) vẫn chưa hoàn thành và chưa thực hiện quyết toán dự án theo quy định. Vì vậy, nội dung T tố cáo ông L đã lợi dụng kẽ hở của pháp luật để chỉ đạo cán bộ Kế toán của Hội đồng (bà Trần Thị Ngân) lập không chứng từ, rút tiền ngân sách chia cho các thành viên trong Hội đồng Giải phóng mặt bằng là hoàn T không có căn cứ, không đúng sự thật.

14. T tố cáo ông L kê khai tài sản, thu nhập hàng năm không trung thực, bất động sản tại Hà Nội và Vĩnh Phúc của ông L nhiều nhưng đều được đứng tên người khác.

Kết quả điều tra xác định: Bản thân ông Lưu Đức L đã có bản kê khai tài sản, thu nhập vào các năm 2016, 2017, 2018 và bảng kê khai thu nhập phục vụ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV nhiệm kỳ 2020 - 2025 hoàn T trùng khớp với các tài sản và thu nhập hiện có của ông L, cụ thể: Vợ chồng ông L không có nhà cửa, đất đai gì ở Hà Nội, hiện tại vợ chồng ông L chỉ có và đứng tên 02 ô đất giáp nhau (trên đất là nhà ở) với tổng diện tích 180m² ở đường Nguyễn Thị G2 thuộc khu hành chính X3, phường L, TP.V, Vĩnh Phúc mà vợ chồng và các con của ông L đang ở; 01 trang trại khoảng 3,1ha (đất 50 năm) ở thôn X5, xã H3, huyện M. Đây là diện tích đất trang trại mà vợ chồng ông L đã tích góp tiền mua lại của nhiều người gồm: Ông Nguyễn Hữu T13 (750 m²); ông Nguyễn Hữu Q5 (9.832 m²), ông Phùng Văn Đ6 (20.000m²), tổng cộng là 3,0582ha. Ngoài ra, kết quả điều tra xác định vợ chồng ông L không có bất động sản nào khác tại Vĩnh Phúc, Hà Nội và cũng không xác định được việc ông L nhờ người đứng tên nhà cửa, đất đai.

Vì vậy, nội dung T tố cáo ông L kê khai tài sản, thu nhập hàng năm không trung thực, có bất động sản tại Hà Nội và Vĩnh Phúc của ông L nhiều nhưng đều được đứng tên người khác là không có căn cứ, không đúng sự thật.

15. T tố cáo ông L và ông Trần Thái S luôn đe dọa nếu ai có đơn thư ảnh hưởng đến uy tín của ông L đang Bí thư Huyện ủy, đại biểu Quốc hội được quyền miễn trừ mọi việc thì ông L sẽ yêu cầu Cơ quan công an vào cuộc truy tìm và xử lý thích đáng.

Kết quả điều tra xác định: Trước thềm diễn ra Đại hội đảng các cấp thì trong các hội nghị, buổi sinh hoạt của Huyện ủy Đ, ông L thường nêu ra và quán triệt việc cán bộ Đảng viên muốn đóng góp ý kiến cho Lãnh đạo Huyện ủy, UBND

huyện thì cần góp ý kiến ngay tại các hội nghị, buổi sinh hoạt Đảng, nếu lãnh đạo huyện không tiếp thu, chỉnh sửa thì cần báo cáo lãnh đạo cấp trên quyết định chứ không được có đơn thư tố cáo nặc danh gây ảnh hưởng đến an ninh, chính trị tại địa phương và ảnh hưởng đến Đại hội Đảng các cấp. Do vậy bị can T nghĩ rằng ông L đang đe dọa, ngăn cản nên đã tố cáo ông L nội dung như đã nêu trên. Vì vậy, đây là nội dung tố cáo hoàn T không đúng bản chất sự việc và hoàn T không có căn cứ.

16. T tố cáo ông L chỉ đạo, ép ông Trương Văn Lừu ở thôn Cửu Yên, xã Hợp Châu, huyện Đ, nguyên là Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Đ phải về hưu sớm để đưa ông Trần Thái S là người cánh vế của ông L vào vị trí Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra huyện ủy Đ.

Kết quả điều tra xác định: Vào khoảng tháng 02/2019, do sức khỏe không đảm bảo công tác và để được hưởng các chế độ ưu đãi của nhà nước và tỉnh Vĩnh Phúc đối với cán bộ, công chức xin nghỉ hưu sớm nhằm tinh giảm biên chế theo Đề án số 01 – ĐA/TU ngày 30/11/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Phúc về việc tinh giảm biên chế, sắp xếp lại bộ máy tổ chức và theo Nghị quyết số 31/2017/NQ- HĐND ngày 24/10/2017, Nghị quyết số 37/2018/NQ- HĐND ngày 18/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc nên ông Lừu đã có đơn xin nghỉ hưu sớm và được giải quyết chế độ nghỉ hưu sớm trước 01 năm chứ hoàn T không có việc ông L ép ông L nghỉ hưu sớm để đưa ông Trần Thái S là người cánh vế của mình vào vị trí Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy Đ như T đã tố cáo. Vì vậy đây là nội dung tố cáo không có căn cứ, không đúng sự thật. Đối với nội dung tố cáo này thì T biết rõ là ông L đã xin nghỉ hưu sớm để được hưởng chế độ ưu đãi trong quá trình tinh giảm biên chế tại huyện Đ nhưng T vẫn đưa nội dung này vào đơn tố cáo nặc danh và ghi là ông L ép ông L về hưu sớm, với mục đích nhằm hạ uy tín của ông L.

Đối với các nội dung Nguyễn Mạnh T tố cáo ông Trần Thái S:

1. T tố cáo ông S chưa làm chuyên viên chính, chưa đủ năm luân chuyển về địa phương công tác làm lãnh đạo, nhiều lần bỏ phiếu tín nhiệm thấp nhưng vẫn được chỉ định là Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch UBND xã Đại Đình và sau đó được ông L chỉ đạo bầu trúng chức danh Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Đ, mục đích đưa ông S lên lãnh đạo kế cận cho ông L.

Kết quả điều tra xác định:

- Ông Trần Thái S được Học viện chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh cấp chứng chỉ đã hoàn thành khóa học về quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên chính ngày 08/9/2009 mã số 5710-09/HVHC;

- Trong các lần bỏ phiếu tín nhiệm, bầu cử, biểu quyết từ năm 2015 cho đến nay ông Trần Thái S đều nhận được kết quả bỏ phiếu cao, khách quan, đủ điều kiện theo quy định và không có sự chỉ đạo hay can thiệp gì từ ông Lưu Đức L hay bất kỳ người nào khác, cụ thể:

+ Tại Biên bản kiểm phiếu biểu quyết nhân sự điều động, bổ nhiệm cán bộ

của Thường vụ Huyện ủy Đ thì ông Trần Thái S đạt 10/10 phiếu (đạt tỷ lệ 100%) đồng ý khi biểu quyết bầu nhân sự luân chuyển chỉ định chức danh Bí thư Đảng ủy và giới thiệu chức danh Chủ tịch UBND xã Đại Đình.

+ Tại các lần bỏ phiếu nhân sự ứng cử Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Đ nhiệm kỳ năm 2015 - 2020 tại Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ huyện Đ diễn ra vào ngày 29/6/2019 thì ông Trần Thái S được 36/40 phiếu (đạt tỷ lệ 90%) và đã trúng cử vào Ban Thường vụ Huyện ủy Đ; sau đó Ban Thường vụ Huyện ủy Đ đã bầu ông S để bổ nhiệm chức danh Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Đ và ông S đạt 37/40 phiếu (đạt tỷ lệ 92,5%), trúng cử làm Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Đ. Vì vậy, việc ông S trúng cử và được bổ nhiệm là Chủ nhiệm Ủy viên kiểm tra huyện ủy Đ nhiệm kỳ 2015 - 2020 là khách quan, đúng quy trình.

Vì vậy, có cơ sở xác định rằng nội dung T tố cáo như đã nêu trên là hoàn T không có căn cứ, không đúng sự thật và là bịa đặt, vu khống cho ông S.

2. T tố cáo ông S đã vi phạm đạo đức lối sống, vi phạm chế độ một vợ, một chồng, ruồng bỏ vợ con, cặp bồ rồi đánh ghen với một cô bồ ở xã Đạo Trù, huyện Đ.

Kết quả điều tra xác định: Khoảng năm 2001, ông S đăng ký kết hôn với bà Lương Thị P hiện đang ở và sinh sống cùng ông S tại Số X, đường Lê Đình C, khu đô thị H, phường B, thành phố V. Ông S và bà Pó sinh sống hạnh phúc, hòa thuận với nhau từ khi kết hôn cho đến nay. Không có căn cứ xác định việc ông S ruồng rẫy vợ con và có quan hệ tình cảm bất chính với người phụ nữ khác; kết quả điều tra cũng không có căn cứ xác định ông S đã có hành vi đánh ghen với cô bồ nào đó tại xã Đ2, huyện Đ.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Mạnh T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Tất cả các nội dung tố cáo ông Lưu Đức L và ông Trần Thái S như đã nêu trên thì T khai rằng là do T tự bịa đặt ra hoặc tự suy diễn ra, với mục đích bôi nhọ, xúc phạm danh dự, uy tín của ông L và ông S để trả thù vì T cho rằng ông L đã trù dập, cản trở sự phát triển trong sự nghiệp công tác của T.

Về kết quả thu giữ, trích xuất các Camera đã thu giữ:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát, trích xuất dữ liệu và trưng cầu giám định kỹ thuật số điện tử đối với các Camera an ninh của các cơ quan, hộ dân trên các tuyến đường đi đến, đi qua Bưu điện huyện Đ, Bưu điện văn hóa thị trấn K nhằm xác định việc Nguyễn Mạnh T đã sử dụng xe ô tô biển kiểm soát 88C- 057.74 đi gửi các đơn tố cáo nặc danh đến nhiều cá nhân, tổ chức (T gửi đơn tại Bưu điện huyện Đ vào chiều ngày 28/7/2020 và gửi đơn tại Bưu điện văn hóa thị trấn K vào các ngày 19/8/2020 và 29/8/2020), cụ thể:

1. Dữ liệu Camera chiều ngày 28/7/2020:

Đã trích xuất và Trưng cầu giám định đối với 02 dữ liệu Camera an ninh thu giữ tại Bưu điện huyện Đ và Cửa hàng đồ gỗ nội thất Hùng Phương ở tổ dân phố Đồi Cao, thị trấn Hợp Châu, Đ, cụ thể:

- Tại Kết luận giám định số 2153/KLGĐ ngày 29/8/2020 của Phòng Kỹ

thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với dữ liệu Camera thu tại Bưu điện huyện Đ, kết luận:

“Qua phân tích hình ảnh 02 tệp tin video có trong 01 đĩa DVD gửi giám định thấy:

+ 02 đoạn video lưu trong 01 đĩa DVD gửi giám định không bị cắt ghép chỉnh sửa nội dung.

+ Chụp được 05 ảnh của người mặc áo quần ngắn, áo cộc tay màu xanh xuất hiện trong đoạn video khoảng thời gian từ: 17h:59':58” đến 18h:01':08” (thời gian hiển thị trên video). Ảnh chụp được in và mô tả diễn biến hành động trong Bản ảnh giám định.

+ Chụp được 03 ảnh nhận dạng chiếc xe ô tô màu đỏ, xuất hiện trong đoạn video trong các khoảng thời gian từ 17h:59':02” đến 18h:01':29” và từ 18h:14':00” đến 18h:14':05” (thời gian hiển thị trên video). Ảnh chụp được in và mô tả đặc điểm nhận dạng xe ô tô trong Bản ảnh giám định.

Nghiên cứu bản kết luận giám định và các bản ảnh nhận thấy: Hình ảnh của người mặc áo quần ngắn, áo cộc tay màu xanh là cháu Lại Hải Đăng, sinh năm 2012 (là cháu ngoại chị gái ruột T); hình ảnh xe ô tô màu đỏ là xe ô tô của T.

2. Dữ liệu Camera chiều ngày 19/8/2020:

Đã trích xuất dữ liệu và Trưng cầu giám định đối với các dữ liệu Camera an ninh thu giữ tại Bưu điện văn hóa thị trấn K và tại trụ sở Huyện ủy Đ, cụ thể:

- Tại Kết luận giám định số 2275/KLGD ngày 12/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với dữ liệu Camera thu tại Bưu điện văn hóa thị trấn K, X kết luận:

*+ Trích xuất được dữ liệu video từ mẫu vật gửi giám định trong khoảng thời gian từ 17 giờ 00 phút đến 18 giờ 00 phút ngày 19/8/2020 (theo thời gian hiển thị trên video), thu được 18 (mười tám) tệp tin video định dạng *.mp4, tổng kích thước: 489 MB (513.178.554 bytes) được sao in sang 01 (một) đĩa DVD.*

+ Trích xuất được 02 (hai) ảnh nhận dạng người nam mặc áo sơ mi cộc tay xuất hiện trên các tệp tin video gửi giám định trong khoảng thời gian từ 17 giờ 25 phút 00 giây đến 17 giờ 26 phút 20 giây (theo thời gian hiển thị trên video), chi tiết được thể hiện trong bản ảnh giám định.

Nghiên cứu bản kết luận giám định và các bản ảnh nhận thấy: Hình ảnh người trong đoạn vi deo là Nguyễn Mạnh T khi đi gửi các đơn tố cáo ngày 19/8/2020.

- Tại Kết luận giám định số 2277/KLGD ngày 12/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với dữ liệu Camera thu tại trụ sở Huyện ủy Đ kết luận:

“Sao in được 03 (ba) tệp tin video gửi giám định sang 01 (một) đĩa DVD.

Trích xuất được 03 (ba) ảnh nhận dạng của người nam mặc áo sơ mi cộc tay xuất hiện trong 03 (ba) tệp tin video gửi giám định tại thời gian 16 giờ 07

phút ngày 19/8/2020 (theo thời gian hiển thị trên video), T bộ ảnh được in và mô tả trong bản ảnh giám định.

Nghiên cứu bản kết luận giám định và các bản ảnh nhận thấy: Hình ảnh người trong đoạn video là Nguyễn Mạnh T khi đi gửi các đơn tố cáo ngày 19/8/2020.

3. Dữ liệu Camera chiều ngày 29/8/2020:

Đã trích xuất dữ liệu và Trưng cầu giám định đối với dữ liệu Camera an ninh thu giữ tại Bưu điện văn hóa thị trấn K. Tại Kết luận giám định số 2509/KLGD ngày 01/10/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với dữ liệu Camera thu tại Bưu điện văn hóa TT K, X kết luận:

“Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa trong 08 (tám) tập tin video gửi giám định có thời gian nằm trong khoảng từ 18 giờ 20 phút đến 18 giờ 45 phút ngày 29/8/2020 (thời gian hiển thị trên video).

Sao in được 08 (tám) tập tin video gửi giám định có thời gian nằm trong khoảng từ 18 giờ 20 phút đến 18 giờ 45 phút ngày 29/8/2020 (thời gian hiển thị trên video) sang 01 (một) đĩa DVD.

Trích xuất được 02 (hai) ảnh nhận dạng của người nam mặc áo sơ mi cộc tay sáng màu xuất hiện trên các tập tin video gửi giám định trong khoảng thời gian từ 18 giờ 36 phút đến 18 giờ 37 phút ngày 29/8/2020 (thời gian hiển thị trên video), chi tiết được thể hiện trong bản ảnh giám định.”

Nghiên cứu bản kết luận giám định và các bản ảnh nhận thấy: Hình ảnh người trong đoạn video là Nguyễn Mạnh T khi đi gửi các đơn tố cáo ngày 29/8/2020.

Kết quả khám xét người, phương tiện, chỗ ở, nơi làm việc của Nguyễn Mạnh T:

Quá trình khám xét người, phương tiện, chỗ ở, nơi làm việc của Nguyễn Mạnh T, Cơ quan điều tra đã thu giữ nhiều đồ vật, tài liệu, cụ thể:

1. Khám xét người, nơi làm việc của T tại trụ sở Huyện ủy Đ:

Khám xét trên người Nguyễn Mạnh T thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philip màu đen có số IMEI 1: 862870031433074, IMEI 2: 862780031453072.

Khám xét phòng làm việc của Nguyễn Mạnh T thu giữ:

- Thu trên bàn làm việc: 02 điện thoại di động gồm 01 chiếc nhãn hiệu Samsung, màu trắng và 01 chiếc nhãn hiệu Oppo màu trắng;

- Thu tại ngăn kéo trên cùng tủ để hồ sơ kê dưới bàn làm việc của Nguyễn Mạnh T: 01 USB TP-LINK SIN12C74709615 màu đen vàng; 01 đĩa DVD-R 4.7GB màu vàng; 01 đĩa PTP-Link 7112502552 màu xanh;

- Thu trên bàn làm việc của Nguyễn Mạnh T: 01 cây máy tính nhãn hiệu FPT màu đen và 01 máy in nhãn hiệu HP màu trắng.

2. Khám xét chỗ ở của Nguyễn Mạnh T tại Thôn T, xã H, huyện Đ:

- Tại phòng ngủ, làm việc của Nguyễn Mạnh T thu giữ:

+ 01 (một) đơn tố giác gồm 02 tờ giấy A4, mục kính gửi dòng đầu tiên có ghi nội dung “ đ/c Nguyễn Phú Trọng - Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam- Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam Trưởng ban chỉ đạo TƯ về phòng chống tham nhũng”, mục ký tên người gửi có ghi “Tập thể tố cáo (đã ký tên) PQN, NQT, ĐVT”, đơn không đề ngày tháng năm thu trong ngăn kéo trên cùng bàn làm việc (đơn tố giác này có nội dung giống với nội dung các đơn tố cáo nặc danh của T gửi các cơ quan, tổ chức, cá nhân tố cáo các ông Lưu Đức L, Trần Thái S như đã nêu ở phần trên);

+ 01 (một) thẻ nhớ 4Gb, 01 (một) USB loại 4Gb; 01 (một) máy in nhãn hiệu cannon màu đen trên mặt bàn làm việc;

+ 14 (mười bốn) đĩa DVD trong ngăn kéo bên dưới bàn làm việc;

+ 01 (một) vật hình khẩu súng bằng kim loại màu đen trong tủ gỗ tại đầu giường;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Philip màu đen đã cũ thu trên giá sách cạnh bàn làm việc;

- Tại phòng ngủ của con bị can Nguyễn Mạnh T đã thu giữ:

+ 01 (một) máy tính xách tay (Laptop) nhãn hiệu HP màu đen trên mặt giường tầng 1 của giường tầng;

+ 01 (một) ổ cứng máy tính trong ngăn tủ của bàn máy tính;

- Trong két sắt của con bị can Nguyễn Mạnh T đã thu giữ:

+ 01 (một) ổ cứng máy tính;

+ 01 (một) thẻ sim viettel;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu EVNTelecom màu đen xám;

+ 01 (một) máy quay Camera nhãn hiệu Sony màu đen bạc;

3. Khám xét phương tiện:

Khám xét xe ô tô biển kiểm soát 88C- 057.74 của T đã thu giữ 01 USB màu đen nhãn hiệu Sandisk 16 Gb.

Sau khi khám xét đã tiến hành tạm giữ chiếc ô tô biển kiểm soát 88C- 057.74 của Nguyễn Mạnh T và đăng ký của xe ô tô để phục vụ công tác điều tra.

4. Ngoài ra, ngay sau khi khám xét chỗ ở, Nguyễn Mạnh T đã tự nguyện chỉ dẫn, giao nộp cho cơ quan điều tra 01 USB màu đỏ đen mà T cất giấu tại đỉnh cột sắt thứ 9 trong chuồng chăn nuôi của gia đình T và 01 cây máy tính không ghi nhãn hiệu, màu đen mà ông T gửi tại nhà của ông Đỗ Văn U (anh rể của T. T khai rằng cây máy tính này bị hỏng, T gửi tại nhà ông Vững để tiện cho việc đem đi sửa chữa).

Các kết quả giám định khác

1/ Kết quả giám định đối với các đồ vật, tài liệu thu giữ khi khám xét người, nơi làm việc của Nguyễn Mạnh T:

- Tại Kết luận giám định số 2595/KLGD ngày 16/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với 03 chiếc điện thoại đã thu giữ của T (gồm 01 điện thoại Oppo màu trắng, 01 điện thoại Samsung màu trắng và 01 điện thoại Philip màu đen), đã kết luận:

“Trích xuất, khôi phục được dữ liệu trên các điện thoại nhãn hiệu Oppo, Samsung, Philip gửi giám định, qua phân tích dữ liệu thấy:

Khôi phục, trích xuất được 4.33MB dữ liệu trên điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, số IMEI1: 867458024898738, IMEI2: 867458024898720 gửi giám định.

Khôi phục, trích xuất được 3.5GB dữ liệu trên điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, số IMEI358592103783084/01 gửi giám định.

Khôi phục, trích xuất được 53.1 KB dữ liệu trên điện thoại di động nhãn hiệu Philip, số IMEI1: 862870031433074, IMEI2: 862870031433072 gửi giám định.

T bộ dữ liệu trích xuất trên được sao chép ra 01 đĩa DVD.

Không tìm thấy dữ liệu là ảnh, tin nhắn, văn bản có nội dung chứa các từ khóa “Đơn tố cáo” hoặc “Lưu Đức L” hoặc “Trần Thái S” từ 03 điện thoại gửi giám định nêu trên.”

- Tại Kết luận giám định số 2469/KLGD ngày 29/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với 01 USB TP-LINK SIN12C74709615 nêu trên, kết luận:

“Chiếc USB màu vàng có chữ TP-LINK, số SN: SIN12C74709615 gửi giám định không có chức năng lưu dữ liệu (là USB có chức năng thu và phát tín hiệu wifi). Qua giám định thấy: Không có tệp tin văn bản nào có nội dung chứa các từ khóa “Đơn tố cáo” và “Lưu Đức L, Trần Thái S”.

- Tại Kết luận giám định số 2471/KLGD ngày 29/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với 01 đĩa DVD-R 4.7GB màu vàng và 01 đĩa PTP-Link 7112502552 nêu trên, kết luận:

“Trích xuất được dữ liệu lưu trữ trong chiếc đĩa DVD, CD gửi giám định, qua phân tích dữ liệu thấy: Không có tệp tin văn bản nào có nội dung chứa các từ khóa “Đơn tố cáo” và “Lưu Đức L, Trần Thái S”.

- Tại Kết luận giám định số 2474/KLGD ngày 29/9/2020 của Phòng KTHS-Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với 01 cây máy tính nhãn hiệu FPT nêu trên, kết luận:

“Khôi phục, trích xuất được dữ liệu lưu trữ trong ổ cứng gắn trong chiếc “cây” máy tính nhãn hiệu FPT gửi giám định, qua phân tích dữ liệu thấy: Không có tệp tin văn bản nào có nội dung chứa các từ khóa “Đơn tố cáo” và “Lưu Đức L, Trần Thái S”.

2. Kết quả giám định đối với đồ vật, tài liệu thu giữ khi khám xét chỗ ở của

Nguyễn Mạnh T:

- Tại Kết luận giám định số 2470/KLGD ngày 29/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với 01 thẻ nhớ và 01 USB nêu trên, kết luận: *Khôi phục, trích xuất được dữ liệu lưu trữ trong chiếc USB và thẻ nhớ gửi giám định, T bộ dữ liệu trích xuất được sao lưu vào 01 đĩa DVD kèm theo Kết luận giám định. Qua phân tích dữ liệu thấy: Không có tệp tin văn bản nào có nội dung chứa các từ khóa “Đơn tố cáo” và “Lưu Đức L, Trần Thái S”.*

- Tại Kết luận giám định số 2781/KLGD ngày 29/10/2020 của Phòng KTHS- Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với 14 đĩa DVD nêu trên, kết luận: *“Trích xuất được dữ liệu trong 14 đĩa CD gửi giám định. Qua phân tích dữ liệu, không tìm thấy dữ liệu là ảnh, tài liệu có từ khóa là “Đơn tố cáo” và “Lưu Đức L, Trần Thái S” được lưu trữ trong 14 đĩa CD gửi giám định..*

Từ chối giám định đối với yêu cầu giám định: Khôi phục dữ liệu trong 14 đĩa CD gửi giám định (có thông báo từ chối giám định kèm theo)”.

- Tại Kết luận giám định số 2299/KLGD ngày 24/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với 01 vật hình khẩu súng bằng kim loại nêu trên, kết luận: *“Mẫu vật gửi giám định có hình dạng khẩu súng, màu đen là đồ chơi nguy hiểm, bắn đạn bi, không phải súng, không thuộc danh mục vũ khí và Công cụ hỗ trợ theo quy định tại Điều 3 - Luật hợp nhất số 28/VBHN-VPQH, ngày 16/12/2019 của Văn phòng Quốc hội hợp nhất Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Thời điểm giám định, mẫu vật đã bị hỏng, không hoạt động được”.*

- Tại Thông báo từ chối giám định số 182/TB-TCGD ngày 15/10/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với 01 điện thoại Philip màu đen thu trên giá sách cạnh bàn làm việc của Nguyễn Mạnh T nêu trên, thông báo: *“Không trích xuất được dữ liệu trong điện thoại gửi giám định do điện thoại không lên nguồn, không kết nối được với các thiết bị trích xuất dữ liệu hiện có”.*

- Tại Kết luận giám định số 2468A/KLGD ngày 29/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP màu đen nêu trên, kết luận: *“Khôi phục, trích xuất được dữ liệu lưu trữ trong chiếc ổ cứng nhãn hiệu Hitachi, số SN: 091204FCCD00NJGZZ89G gắn trong chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP gửi giám định, qua phân tích dữ liệu thấy: Không có tệp tin văn bản nào có nội dung chứa các từ khóa “Đơn tố cáo” và “Lưu Đức L, Trần Thái S”.*

- Tại Kết luận giám định số 2476/KLGD ngày 29/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với 02 ổ cứng máy tính nêu trên, kết luận: *“Khôi phục, trích xuất được dữ liệu lưu trữ trong 02 ổ cứng gửi giám định, qua phân tích dữ liệu thấy: Không có tệp tin văn bản nào có nội dung chứa các từ khóa “Đơn tố cáo” và “Lưu Đức L, Trần Thái S”.*

- Tại Kết luận giám định số 2592/KLGD ngày 12/10/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với 01 thẻ sim Viettel Mobi nêu trên,

kết luận: “Trích xuất được dữ liệu lưu trên thẻ sim di động gửi giám định. T bộ dữ liệu trích xuất được bao gồm: 07 tin nhắn SMS và 01 số liên lạc trong danh bạ được in trong Bản in dữ liệu”.

- Tại Kết luận giám định số 2766/KLGD ngày 28/10/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu EVNTelecom nêu trên, kết luận: “Trích xuất được dữ liệu trong Sim nhãn hiệu EVNTelecom có hàng số: 89840610040153428. Qua phân tích dữ liệu, thấy không có dữ liệu là tin nhắn, ghi chú.

Từ chối giám định đối với điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu UBIQUAM, mặt sau được dán số S/N: K0048326 (có thông báo từ chối giám định kèm theo)”.

Căn cứ lời khai và đồ vật thu giữ trong quá trình khám xét, Cơ quan điều tra đã tiến hành cùng bị can T in tài liệu mẫu từ máy in Cannon Pixma E560 (Ký hiệu tài liệu mẫu là M1, M2) và máy in HP Laser Jet Pro M402d (Ký hiệu tài liệu mẫu là M3, M4) thu giữ trong phòng làm việc, phòng ngủ của Nguyễn Mạnh T và tiến hành Trưng cầu giám định so sánh với các đơn tố cáo nặc danh mà Nguyễn Mạnh T làm, gửi đi các nơi (Ký hiệu từ A1 đến A8).

Tại Kết luận giám định số 6641/C09-P5 ngày 15/10/2020 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an đối với mẫu in tài liệu bằng máy in nhãn hiệu Cannon Pixma E560 màu đen và máy in nhãn hiệu HP Laser Jet Pro M402d thu giữ của Nguyễn Mạnh T, kết luận:

“+ Các mẫu cần giám định ký hiệu A1, từ A3 đến A8 được photocopy đen trắng nên không đủ điều kiện để tiến hành giám định truy nguyên về máy in.

+ Mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải do cùng một máy in in ra.

+ Không đủ cơ sở kết luận mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với các mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 có phải do cùng một máy in in ra hay không”.

3. Kết quả giám định đối với đồ vật, tài liệu thu giữ khi khám xét phương tiện (xe ô tô của T):

Tại Kết luận giám định số 2472/KLGD ngày 29/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với 01 USB màu đen nhãn hiệu Sandisk 16 Gb nêu trên, kết luận: “Khôi phục, trích xuất được dữ liệu lưu trữ trong chiếc USB gửi giám định, T bộ dữ liệu trích xuất được sao lưu vào 01 đĩa DVD kèm theo Kết luận giám định. Qua phân tích dữ liệu thấy: Không có tệp tin văn bản nào có nội dung chứa các từ khóa “Đơn tố cáo” và “Lưu Đức L, Trần Thái S”.

4. Kết quả giám định đối với đồ vật, tài liệu mà Nguyễn Mạnh T chỉ dẫn, giao nộp:

- Tại Kết luận giám định số 2316/KLGD ngày 15/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với 01 USB màu đỏ đen thu tại đình cột sắt thứ 9 chuồng chăn nuôi của gia đình Nguyễn Mạnh T, kết luận:

“Trích xuất được 06 (sáu) tập tin văn bản được lưu trữ trong USB nhãn hiệu Sandisk gửi giám định, cụ thể:

- + “Don khoi kien – 180719-2.docx”, kích thước: 26,2 KB (26.849 bytes);*
- + “Don yeu cau ap dung bien phap khan cap tam thoi-2.docx”, kích thước: 18,8 KB (19.270 bytes);*
- + “Đơn Kinh Đô_Đạo.docx”, kích thước: 19,5 KB (20.038 bytes);*
- + “Đơn Liên.docx”, kích thước: 14,3 KB (14.663 bytes);*
- + “Đơn.docx”, kích thước: 43,5 KB(44.617 bytes);*
- + “HĐ mua bán Ks Phương Vi.doc”, kích thước: 45,0 KB (46.080 bytes).*

T bộ dữ liệu nêu trên được in trong 01 (một) phụ lục và sao in trong 01 (một) đĩa DVD kèm theo kết luận giám định này.”

Trong tập tin văn bản được soạn thảo lưu trữ trong USB nêu trên có 01 đơn tố cáo có nội dung giống với nội dung các đơn tố cáo nặc danh của T gửi các cơ quan, tổ chức, cá nhân tố cáo các ông Lưu Đức L, Trần Thái S như đã nêu ở phần trên.

- Tại Kết luận giám định số 2475/KLGD ngày 29/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với 01 cây máy tính thu giữ tại nhà ở của gia đình ông Đỗ Văn U, kết luận: *“Khôi phục, trích xuất được dữ liệu lưu trữ trong 02 ổ cứng gắn trong chiếc “cây” máy tính gửi giám định, qua phân tích dữ liệu thấy: Không có tệp tin văn bản nào có nội dung chứa các từ khóa “Đơn tố cáo” và “Lưu Đức L, Trần Thái S”.*

5. Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 Bằng tốt nghiệp cấp 3 (bản gốc) và 01 Học bạ cấp 3 (bản gốc) số 2824 của ông Lưu Đức L, đồng thời Cơ quan điều tra đã mượn 02 mẫu bằng tốt nghiệp cấp 3 các số 1209, 5143 còn lưu giữ tại Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Vĩnh Phúc để tiến hành Trưng cầu giám định tài liệu đối với Học bạ và Bằng tốt nghiệp cấp 3 của ông L, kết quả:

- Tại Kết luận giám định số 2317/KLGD ngày 15/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với Bằng tốt nghiệp cấp 3 của ông L kết luận:

“Các lớp in trên Bằng tốt nghiệp phổ thông trung học số 2824 so với các lớp in trên Bằng tốt nghiệp phổ thông trung học số 1209, số 5143 là do cùng một phương pháp in in ra.

Hình dấu tròn có nội dung: “TY GIÁO DỤC ☆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ☆ TỈNH VĨNH PHÚ” trên Bằng tốt nghiệp phổ thông trung học số 2824 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên bằng tốt nghiệp phổ thông trung học số 1209, số 5143 là do cùng một con dấu đóng ra.

Chữ ký dưới mục: “KT. Trưởng ty Giáo dục” trên Bằng tốt nghiệp phổ thông trung học số 2824 so với chữ ký dưới mục: “KT. Trưởng ty Giáo dục” trên Bằng tốt nghiệp phổ thông trung học số 1209; dưới mục: “Trưởng ty Giáo dục” trên Bằng tốt nghiệp phổ thông trung học số 5143 là do cùng một người ký ra.”

- Tại Kết luận giám định số 2318/KLGD ngày 15/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với học bạ cấp 3 của ông L, kết luận:

“Tại trang bìa các chữ có nội dung: “Hợp Châu” và “Lưu Đức L” bị tô đồ lại nội dung cũ; không bị tẩy xóa, sửa chữa, điền thêm.

Tại các trang phía trong của tài liệu cần giám định phát hiện sửa chữa tại các mục sau:

+ *Tại trang 1, ở mục: “Tại” chữ: “H” trong chữ: “Hợp” bị sửa chữa từ chữ: “P” thành chữ: “H”.*

+ *Tại trang 2, ở hàng môn “Văn”, cột “Cả năm học” số: “5” trong số: “5.8” bị sửa chữa từ số: “6” thành số “5” và bị gạch ngang bằng mực màu đỏ ở số: “5.8”, viết nội dung khác là: “5.8” bằng mực màu đỏ. Ở hàng môn “Toán”, cột “Học kỳ 2” số: “9” trong số “6.9” bị sửa chữa từ số: “4” thành số: “9”. Ở ô thứ 9 tính từ trên xuống trong cột “Các môn học” được viết bằng tay nội dung mới là: “ệ Sinh” chèn lên nội dung cũ chữ in sẵn đọc được là: “Vật lý”.*

+ *Tại trang 3 ở mục: “- Quyết định được lên lớp hay ở lại lớp:” chữ: “lớp” bị sửa chữa từ chữ: “lư” thành chữ: “lớp”.*

+ *Tại trang 4, ở ô thứ 13 tính từ trên xuống trong cột: “Các môn học” được viết bằng tay nội dung mới là: “LD” chèn lên nội dung cũ chữ in sẵn đọc được là: “Kỹ thuật công nghiệp”.*

+ *Tại trang 5 dưới mục: “NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP”, chữ: “S” trong chữ: “Sức” bị sửa chữa từ chữ: “L” thành chữ: “S”.*

+ *Tại trang 6, ở ô thứ 13 tính từ trên xuống trong cột: “Các môn học” được viết bằng tay nội dung mới là: “Lao động” chèn lên nội dung cũ chữ in sẵn đọc được là: “Kỹ thuật công nghiệp”.*

+ *Tại trang 8 ở hàng môn “Văn”, cột “ Học kỳ 2” số: “6,5” bị gạch bằng mực màu đỏ, viết nội dung khác là: “6.3” bằng mực màu đỏ và cột “Cả năm học” số: “6.3” bị gạch bằng mực màu đỏ, viết nội dung khác là: “6.5” bằng mực màu đỏ.*

+ *Tại trang 10 ở hàng môn “Kỹ thuật nông nghiệp”, cột “ NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN BỘ MÔN” chữ: “C” bị gạch.*

+ *Tại trang 12 dòng đầu tiên ở mục: “năm học” số: “8” trong số: “1980” bị sửa chữa từ số: “7” thành số: “8”. Ở hàng môn: “Lịch sử”, cột “Học kỳ I” số: “7” trong số: “70” bị sửa chữa từ số: “6” thành số: “7”.*

+ *Tại trang 13 ở dòng đầu tiên tại mục: “Số học sinh” số: “5” trong số: “50” bị sửa chữa từ số: “4” thành số: “5”. Tại ô: “Thể dục vệ sinh sức khỏe” trong cột: “Các mặt giáo dục” chữ: “h” trong chữ: “Thể” bị sửa chữa từ chữ: “e” thành chữ “h”.*

Các chữ viết và chữ số còn lại trên mẫu cần giám định không bị tẩy xóa, sửa chữa”

Tại bản Cáo trạng số 88/CT-VKS-P2 ngày 30/11/2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Nguyễn Mạnh T về tội “Vu khống” theo điểm c, đ, h khoản 2 Điều 156 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh T phạm tội “Vu khống”.

Đề nghị áp dụng điểm c, đ, h khoản 2 Điều 156; điểm v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Mạnh T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về vật chứng vụ án: Trả lại cho Nguyễn Mạnh T 01 cây máy tính không ghi nhãn hiệu, màu đen mà bị can T gửi tại nhà của ông Đỗ Văn U là tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) vật sắt hình khẩu súng là đồ chơi nguy hiểm. Tịch thu 01 USB màu đỏ đen thu tại đỉnh cột sắt thứ 9 chuồng chăn nuôi của gia đình Nguyễn Mạnh T có chứa đơn tố cáo ông L, ông S để lưu trong hồ sơ vụ án. Tịch thu súng quỹ Nhà nước đối với 01 (một) máy in nhãn hiệu Canon màu đen trên mặt bàn làm việc của T có liên quan đến hành vi phạm tội

Về trách nhiệm dân sự: Do ông Lưu Đức L và ông Trần Thái S đều không yêu cầu T phải bồi thường gì, do đó việc bồi thường nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Mạnh T đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Phúc. Bị cáo khai nhận: Do nghĩ mình không được ông Lưu Đức L là Bí thư Huyện ủy Đ quan tâm, cất nhắc trong quá trình bố trí nhân sự chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ huyện Đ nhiệm kỳ 2020 - 2025 nên Nguyễn Mạnh T đã tự đánh máy, làm đơn nặc danh tố cáo ông Lưu Đức L - Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Đ, đại biểu Quốc hội khóa XIV; ông Trần Thái S, Ủy viên Ban thường vụ, Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Huyện ủy Đ nhằm mục đích vu khống, bôi nhọ, xúc phạm danh dự, uy tín của ông L và ông S. Cụ thể:

Trong đơn T đã bịa đặt, suy diễn tố cáo ông Lưu Đức L: Ông L là một người chậm tiến bộ nên mới được kết nạp Đảng muộn ở tuổi 34; là người tha hóa về đạo

đức khi đang là một cán bộ đã có vợ con nhưng lại ruồng rẫy, đánh đập vợ để quan hệ tình cảm bất chính, vợ ông L phải làm đơn kêu cứu; trước khi thành lập huyện Đ đã tiếp cận, chạy chọt cấp trên để được về làm Phó Chủ tịch UBND huyện Đ từ năm 2004; trong quá trình công tác không tu dưỡng đạo đức, chuyên môn mà mỗi lần được đề bạt bổ nhiệm ở chức vụ cao hơn thì lại tỏ ra quan cách, hống hách, “vun vén tư lợi”, xây dựng bè phái, để thâm tóm quyền lợi kinh tế, vật chất, áp đặt ý kiến chủ quan của bản thân vào mọi công việc; khi ông L là Phó Chủ tịch UBND huyện Đ đã nhận hối lộ 12% giá trị mỗi công trình, dự án liên quan đến Y tế, Giáo dục trên địa bàn huyện Đ từ các nhà thầu thi công xây lắp rồi mới phê duyệt các dự án, công trình đó; khi làm Phó Chủ tịch UBND huyện Đ đã nhận hối lộ (tiền, hiện vật) của các Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường học trên địa bàn huyện để giúp những người này không bị luân chuyển công tác; dùng các thủ đoạn “đẩy” được ông Phạm Quang Nguyên, nguyên Bí thư Huyện ủy Đ ra làm Phó Giám đốc Sở Khoa học - Công nghệ để ông L lên làm Bí thư Huyện ủy (năm 2018) thay ông Nguyên; từ khi lên làm Bí thư Huyện ủy Đ thì trong công tác cán bộ đã áp đặt, khống chế cấp dưới để nhận hối lộ tiền, tài sản, nếu cấp dưới không hối lộ sẽ bị luân chuyển, bị đánh trượt khi bầu cử tại đại hội; ông L khai man hồ sơ cán bộ, học bạ của ông L là học bạ của người khác, họ tên người khác được viết bằng mực tím đã bị tẩy xóa thành tên ông L để đủ điểm hưởng chế độ xét tuyển Đại học Y Hà Nội theo chính sách của Đảng và nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số; Bằng và Học bạ cấp 3 của ông L là giả; khi ông L là Trưởng ban Bồi thường giải phóng mặt bằng khu Danh thắng Tây Thiên đã lợi dụng kẽ hở của pháp luật để chỉ đạo cấp dưới lập khống chứng từ, rút tiền ngân sách chia nhau,....

Trong đơn T đã bịa đặt, tự suy diễn, tố cáo ông Trần Thái S với các nội dung: Ông S chưa làm chuyên viên chính, chưa đủ năm luân chuyển về địa phương công tác làm lãnh đạo, nhiều lần bỏ phiếu tín nhiệm thấp nhưng vẫn được ông L ưu ái chỉ định là Bí thư kiêm Chủ tịch UBND xã Đại Đình và sau đó được ông L chỉ đạo bầu trúng chức danh Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy Đ; ông S đã vi phạm đạo đức lối sống, vi phạm chế độ một vợ, một chồng, ruồng rẫy vợ con, quan hệ tình cảm bất chính, vi phạm đạo đức, lối sống.

Sau khi soạn thảo các nội dung tố cáo nặc danh như đã nêu trên, T đã phô tô thành nhiều bản khác nhau rồi gửi đến nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa bàn huyện Đ; các cơ quan của tỉnh, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh Vĩnh Phúc, các cơ quan Trung ương và một số đơn vị báo chí trong và ngoài tỉnh Vĩnh Phúc ngay trước thềm đại hội Đảng bộ huyện Đ.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, các Kết luận Giám định, vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án với các tình tiết khách quan đã được cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Nguyễn Mạnh T đã phạm vào tội “Vu khống”, tội danh được quy

định tại điểm c, đ, h khoản 2 Điều 156 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.

[4] Xét tính chất của vụ án tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền và lợi ích hợp pháp của con người. Không những thế, hành vi vu khống cán bộ lãnh đạo cấp huyện của UBND huyện Đ còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương, gây mất trật tự an T xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân và cán bộ, công chức tại địa phương, đồng thời có thể làm suy giảm niềm tin, uy tín đối với các cán bộ chủ chốt và hệ thống cơ quan quản lý nhà nước. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, v khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác, được tặng thưởng nhiều Bằng khen, Giấy khen; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, đáng được khoan hồng và có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục với mức án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, giáo dục chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng khoản 4 Điều 156 Bộ luật Hình sự cấm bị cáo Nguyễn Mạnh T đảm nhiệm chức vụ trong thời gian nhất định.

[6] Về vật chứng của vụ án: Trả lại cho Nguyễn Mạnh T 01 cây máy tính không ghi nhãn hiệu, màu đen không liên quan đến hành vi phạm tội. Tịch thu 01 USB màu đỏ đen cũ, đã qua sử dụng để lưu trong hồ sơ vụ án. Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với 01 máy in nhãn hiệu Canon màu đen đã cũ có liên quan đến hành vi phạm tội. Tịch thu tiêu hủy 01 vật sắt hình khẩu súng là đồ chơi nguy hiểm.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đều không yêu cầu bồi thường dân sự do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Mạnh T phải chịu 200.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh T phạm tội “Vu khống”.

Căn cứ điểm c, đ, h khoản 2 Điều 156; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (Ba) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Mạnh T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 4 Điều 156 Bộ luật Hình sự năm 2015: Cấm Nguyễn Mạnh T đảm nhiệm chức vụ với thời hạn 02 (Hai) năm, thời hạn tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Trả lại cho Nguyễn Mạnh T 01 cây máy tính không ghi nhãn hiệu, màu đen không liên quan đến hành vi phạm tội. Tịch thu 01 USB màu đỏ đen cũ, đã qua sử dụng để lưu trong hồ sơ vụ án. Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với 01 (một) máy in nhãn hiệu Canon màu đen đã cũ có liên quan đến hành vi phạm tội. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) vật sắt hình khẩu súng là đồ chơi nguy hiểm.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 07/01/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc và Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc).

Căn cứ Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBKT Huyện ủy Đ;
- UBND xã Hồ Sơn, huyện Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS; HCTP; Tòa HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hà

